TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/DS-PT
Ngày: 26-4-2023.
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân; bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 4 tháng năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2023/QĐXXPT-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Thanh N, sinh năm 1962; bà Tiêu Thị L, sinh năm 1959. Cùng cư trú tại: khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Thanh N: Luật sư Phạm Lê D, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn CTA Việt Nam, Chi nhánh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Chương Thị Kim C1, sinh năm 1968, cư trú tại: khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Chương Hòa B, sinh năm 1953, cư trú tại: khu phố HL1, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Chương Hoàng D1, sinh năm 1958, cư trú tại: ấp TTr, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Chương Thị Kim O, sinh năm 1960, cư trú tại: ấp SD, xã Th B, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Chương Thị Kim T, sinh năm 1963, cư trú tại: ấp TL, xã Tr B, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Chương Thị Kim O, sinh năm 1964, cư trú tại: khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Chương H, sinh năm 1967, cư trú tại: ấp Tân Ch1, xã Tân Ph, huyện Tân Ch1, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Chương Quốc V, sinh năm 1971, cư trú tại: khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Phan Thị Lệ H1, sinh năm 1976, cư trú tại: thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Phan Ngọc D1, sinh năm 1986, cư trú tại: khu phố HA, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Phan Ngọc Đ, sinh năm 1988, cư trú tại: khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

(Bà Chương Thị Kim T có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lý Thanh N và bà Tiêu Thị L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Tiêu Thị L trình bày:

Vào năm 1985, bà và chồng là ông Lý Thanh N nhận chuyển nhượng của ông Phan Châu Tr một phần đất, tọa lạc tại: Ấp HL, xã HT, huyện HT(nay là khu phố HL, phường HT, thị xã HT), tỉnh Tây Ninh, có hướng Nam giáp đất của cụ Chương Bảo Đ1, hiện nay con cụ Đ1 là bà Chương Thị Kim C1 sử dụng. Khi bà nhận chuyển nhượng, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng, không đo đạc.

Ranh giới giữa đất bà và đất cụ Đ1 là hàng rào kẽm gai, trụ sắt, có chỗ là trụ xi măng, bên đất của bà ở vị trí cách hàng rào ranh khoảng 0,7 m có hàng dừa do chủ đất trước đây trồng.

Năm 1994, vợ chồng bà được Ủy ban nhân dân huyện HTcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 480 m^2, thửa 273, tờ bản đồ số 5.

Cách nay khoản 10 năm, bà chặt một số cây dừa, xây vách bằng tường gạch không tô để chắn bụi vì gia đình bà làm trại cưa, hàng dừa hiện vẫn còn một số cây.

Gia đình bà Chi tự ý chặt cây dừa của bà ở đoạn giữa đất, tự ý dỡ hàng rào, lấn ranh mặt tiền hướng Tây giáp đường là 0,5 m, mặt hậu hướng Đông là 01 m, trụ ranh ở vị trí phía trước vẫn còn.

So với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thì thực tế đất bên bà sử dụng thiếu 12 m^2 do bên bà C1 lấn chiếm nên vợ chồng bà kiện đòi.

- Nguyên đơn ông Lý Thanh N trình bày: Ông là chồng bà Tiêu Thị L, thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

- Bị đơn bà Chương Thị Kim C1 trình bày:

Gia đình bà có đất giáp ranh với đất của ông Lý Thanh N, bà Tiêu Thị L. Nguồn gốc đất của cha mẹ bà là cụ Chương Bảo Đ1 và cụ Nguyễn Thị B1 có được từ năm 1936, kê khai đăng ký vào năm 1992, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00507QSDĐ/D6 ngày 25-4-1994, cụ Đài đứng tên, diện tích theo giấy chứng nhận là 1.040 m^2, đã chuyển nhượng 02 lần, diện tích còn lại trong giấy chứng nhận là 385,9 m^2 theo Bảng trích đo bản đồ thửa đất vào năm 2013 thì diện tích sử dụng là 422,1 m^2, bà là người trực tiếp sử dụng đất.

Đất bên bà L, ông N là nhận chuyển nhượng vào năm 1986, ranh giới là hàng rào kẽm gai, trụ sắt và trụ bê tông do cụ Đài làm trước khi bà L nhận chuyển nhượng đất. Vào khoảng năm 1999, 2000, bà L xây tường nhà sát bên hàng rào này, vào năm 2001 bà L đập một đoạn tường nhưng nền móng vẫn còn. Do hàng rào kẽm gai lâu năm bị mục, nằm ngã về phía đất của gia đình bà, nên bà tháo bỏ kẽm gai, trụ rào vẫn còn, có một số cây bị gãy nhưng chân trụ vẫn còn nằm trong lòng đất, từ trước đến nay hai bên thống nhất sử dụng ranh giới là tường nhà bà L, hoàn toàn không có việc lấn ranh đất của bà L, ông N.

Cụ Đ1 chết vào năm 2005, cụ Bảy chết vào năm 2015, hai cụ có 09 người con, gồm: Ông Chương Hòa B, bà Chương Thị Kim H2 (bà H2 chết vào năm 1996, có 03 người con là Phan Thị Lệ H1, Phan Ngọc D1, Phan Ngọc Đ), ông Chương Hoàng D1, bà Chương Thị Kim O, bà Chương Thị Kim T, bà Chương Thị Kim O, ông Chương H, ông Chương Quốc V và bà là Chương Thị Kim C1. Tất cả thống nhất để cho bà sử dụng phần đất 422,1 m^2 này từ năm 2017 đến nay, khi gia đình bà làm thủ tục sang tên đất, bà L và những người giáp ranh đã ký tên xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất nhưng sau đó bà L lại ngăn cản nên thủ tục sang tên vẫn chưa xong.

Ranh giới đã có từ khi cụ Đ1 còn sống, đến nay không thay đổi, gia đình bà không dời ranh lấn đất. Bà L, ông N khởi kiện không có căn cứ, bà không chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Chương Hòa B, ông Chương Hoàng D1, bà Chương Thị Kim O, bà Chương Thị Kim T, bà Chương Thị Kim O, ông Chương H, ông Chương Quốc V trình bày giống nhau như

sau: Ông, bà là con của cụ Đ1, cụ B2; là anh chị em của bà Chương Thị Kim C1, thống nhất theo ý kiến của bà C1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Chị Phan Thị L Huyền, chị Phan Ngọc D1, anh Phan Ngọc Đ trình bày giống nhau như sau: Anh, chị là con của bà Chương Thị Kim H2, là cháu ngoại của cụ Đ1 và cụ B, là cháu gọi bà Chương Thị Kim C1 bằng dì. Bà H2 đã chết vào năm 1996, với tư cách là người thừa kế của bà H2, anh chị thống nhất theo ý kiến của bà C1.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N đối với bà Chương Thị Kim C1 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về án phí sơ thẩm: Bà Tiêu Thị L được miễn; ông Lý Thanh N phải chịu 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 12-9-2022, bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N kháng cáo:

Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà, buộc gia đình bà C1 phải trả lại 12 m^2 đất đã lấn chiếm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông N có đơn yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp vì Tòa án cấp sơ thẩm đo không đúng, không đủ diện tích đất mà ông và bà L khởi kiện.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Luật sư Phan Lê D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Thanh N trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đủ diện tích theo đơn khởi kiện; theo bản đồ địa chính do cán bộ địa chính xã cung cấp cho bà L thì diện tích đất của bà L, ông N là 530.3 m^2, nhiều hơn diện tích đang sử dụng; bà L khai hiện có một trụ ranh nằm bên đất bà C1 01 m. Vì vậy, có căn cứ xác định bên bà C1 lấn đất, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông N bà L, buộc bên bà C1 trả đất theo diện tích ghi trong đơn khởi kiện là 12 m^2.

Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Những đương sự vắng mặt đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nguồn gốc đất:

- Nguồn gốc đất bên bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N là nhận chuyển nhượng vào năm 1985, kê khai đăng ký năm 1993, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00618 QSDĐ/D6 ngày 25-4-1994, bà Tiêu Thị L đứng tên, là thửa 73, tờ bản đồ số 5, diện tích trong giấy chứng nhận là 480 m^2, tương ứng thửa 97, tờ bản đồ 22 (BĐĐC VN 2000), diện tích thực tế sử dụng 551,5 m^2, lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 36,7 m^2, nguyên nhân là do một phần diện tích ở hướng Tây và một phần ở hướng Bắc bà L, ông N sử dụng trong phạm vi lộ giới; một phần ở hướng Nam sử dụng trong phạm vi thửa 308, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Chương Bảo Đài đứng tên, trong đó có diện tích đang tranh chấp.

- Đất bên bị đơn bà Chương Thị Kim C1 là của cha mẹ bà C1 là cụ Chương Bảo Đ1 và cụ Nguyễn Thị B2 tạo lập từ năm 1936, kê khai đăng ký năm 1992, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00507 QSDĐ/D6 ngày 25-4-1994, cụ Chương Bảo Đ1 đứng tên, là thửa 308, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.040 m^2, chuyển nhượng 02 lần vào năm 1996 và năm 2001, diện tích còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là 385,9 m^2, tương ứng thửa 100, tờ bản đồ 22 (BĐĐC VN 2000) diện tích 422,1 m^2, diện tích thực tế sử dụng 430,1 m^2, lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng 38,6 m^2, nguyên nhân là do có một phần diện tích ở hướng Tây gia đình bà C1 sử dụng trong phạm vi lộ giới, một phần hướng Nam sử dụng trong phạm vi thửa đất giáp ranh là thửa 105.

Ranh đất giữa hai bên đã thống nhất sử dụng từ trước năm 1999, là hàng rào kẽm gai trụ bê tông, trụ sắt và tường nhà làm nơi chế biến gỗ do bà L, ông N xây từ năm 1999 đến nay không thay đổi.

Bà L, ông N cho rằng gia đình bà C1 nhổ trụ lấn ranh từ nhiều năm trước nhưng không phản đối, nay đo lại thấy thiếu diện tích so với bản đồ địa chính nên kiện đòi.

Theo đơn kiện ngày 15-6-2021, đòi 01 m ngang ở mặt hậu hướng Đông, dài 24 m.

Khi Tòa án tổ chức đo đạc, xác định diện tích tranh chấp là 03 m^2, có chiều ngang mặt tiền hướng Tây là 0,23 m, thuộc thửa 308, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Đ1 đứng tên.

[3] Xét kháng cáo của bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N, yêu cầu bên bà Chương Thị Kim C1 trả 12 m^2 đất, thấy rằng:

- Diện tích hiện trạng đất hai bên sử dụng đều lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đất tranh chấp nằm trong thửa 308, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Chương Bảo Đ1 đứng tên. Tính từ đất của cụ Đ1 sang đất của bà L, ông N thì ngoài phần diện tích đang tranh chấp vẫn còn một phần nữa hiện bà L, ông N đang sử dụng nhưng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đ1. Căn cứ theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất không thể hiện việc bên bà C1 sử dụng lấn ranh mà ngược lại bên bà L, ông N sử dụng lấn sang thửa đất của cụ Đ1 theo bản đồ địa chính.

- Ranh giới đất hai bên đã thống nhất sử dụng từ trước năm 1999, là hàng rào trụ sắt, trụ bê tông và tường nhà chế biến gỗ của bà L cho đến nay không thay đổi nên phải được tôn trọng và bảo vệ theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Dân sự về xác định ranh giới giữa bất động sản liền kề theo thỏa thuận giữa các bên chủ sở hữu.

- Bà L cho rằng bên bà C1 nhổ trụ ranh lấn đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì các trụ ranh vẫn còn nguyên vị trí và trùng khớp với trụ ranh bị gãy nằm trong lòng đất.

- Bà L cho rằng có 01 trụ ranh nằm bên đất bà C1, cách tường nhà bà L 01 m nhưng bà L không có chứng cứ chứng minh, thực tế không có trụ này.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông N cho rằng cán bộ địa chính xã cung cấp cho bà L 01 bản trích lục bản đồ địa chính thể hiện diện tích thửa đất của bà L, ông N là 530.3 m^2 nhưng đây không phải là trích lục bản đồ địa chính mà chỉ là 01 bản phô tô không có tựa đề, không dấu mộc, không có tên đơn vị, tên người lập bản đồ; không có xác nhận của cơ quan chuyên môn.

- Đất tranh chấp đã được đo đạc, lồng ghép vào bản đồ địa chính thể hiện diện tích 03 m^2, thuộc một phần của thửa 100, tờ bản đồ 22, bà Chương Thị Kim C1 đang sử dụng, tương ứng thửa 73, tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00507QSDĐ/D6 ngày 25-4-1994, cụ Chương Bảo Đài đứng tên.

- Xét yêu cầu của ông Lý Thanh N và ý kiến của Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đo đạc không đúng vị trí, diện tích đất tranh chấp và yêu cầu đo đạc lại, thấy rằng:

+ Ngày 30-6-2022 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục đo đạc, thẩm định đất tranh chấp, có mặt đầy đủ các thành phần theo quy định, gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc địa chính Toàn Việt là đơn vị các bên đương sự thống nhất lựa chọn để thực hiện việc đo đạc, lập sơ đồ hiện trạng sử dụng đất tranh chấp; Đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Hòa Thành, công chức Tư pháp và công chức Địa chính phường HT tham gia chứng kiến; ông N, bà L có mặt chứng kiến và ký tên biên bản đo đạc, thẩm định, thống nhất *kết quả đo đạc, số liệu cụ thể do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc địa chính Toàn Việt cung cấp sau*.

+ Ông N, bà L khai diện tích đất tranh chấp trước sau không thống nhất: Đơn khởi kiện ngày 15-6-2021 ghi kiện đòi 01 m ngang hướng Đông, dài 24 m; Biên bản lấy lời khai ngày 16-6-2022 bà L khai kiện đòi 0,5 m ngang mặt tiền, 01 m ngang mặt hậu, kéo dài từ mặt tiền đến mặt hậu; Biên bản lấy lời khai ngày 22-6-2022, ông N khai, kiện đòi 01 m ngang, kéo dài từ mặt tiền đến mặt hậu.

+ Khi đo đạc thì chỉ vị trí đất tranh chấp tính từ mặt tiền hướng Tây, có diện tích 03 m^2 đã được thể hiện trên Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc địa chính Toàn Việt lập, đã được lồng ghép vào bản đồ địa chính, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường HT; Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã HT. Việc đo đạc đã thực hiện đúng theo yêu cầu của bà L, ông N và đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Sau khi đo đạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức phiên hòa giải, đối chất vào ngày 04-8-2022, ông N và bà L tham gia nhưng tự ý bỏ về giữa chừng, sau đó gửi đơn yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ, chỉ có mặt khi xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm cũng không đề cập đến việc đo đạc.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N và đề nghị của Luật sư về việc đo đạc lại đất tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông N là có căn cứ.

Bà L, ông N kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông N, bà L là không có căn cứ.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng về đường lối nhưng có thiếu sót trong phần nhận định và phần quyết định của bản án như sau:

+ Tuy nguyên đơn chỉ kiện bà Chi nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Chương Bảo Đ1 đứng tên, cụ Đ1 chết, vợ cụ Đài là cụ Nguyễn Thị B2 cũng đã chết nên phát sinh quyền thừa kế là con, cháu của cụ Đài và cụ Bảy, gồm: Ông Chương Hòa B, bà Chương Thị Kim H2, ông Chương Hoàng D1, bà Chương Thị Kim O, bà Chương Thị Kim T, bà Chương Thị Kim O, ông Chương H, ông Chương Quốc V, bà Chương Thị Kim C1, chị Phan Thị Lệ H1, chị Phan Ngọc D1, anh Phan Ngọc Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đưa họ vào tham gia tố tụng là đúng nhưng không nhận định làm rõ và không ghi trong phần quyết định của bản án.

+ Bản án sơ thẩm ghi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không ghi rõ các thông tin về phần đất tranh chấp.

Xét thấy những thiếu sót nêu trên không làm thay đổi bản chất của vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không cần sửa bản án sơ thẩm mà chỉ điều chỉnh, bổ sung cho rõ ràng, đầy đủ.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông N, bà L có đơn xin miễn án phí, khi xét xử sơ thẩm, bà L là người cao tuổi nên được miễn; ông N chưa phải là người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chịu án phí sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, lẽ ra ông N phải chịu nhưng đến khi xét xử phúc thẩm ông N đã là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N đối với bị đơn bà Chương Thị Kim C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Chương Hòa B, ông Chương Hoàng D1, bà Chương Thị

Kim O, bà Chương Thị Kim T, bà Chương Thị Kim O, ông Chương H, ông Chương Quốc V, chị Phan Thị Lệ H1, chị Phan Ngọc D1, anh Phan Ngọc Đ, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 03 m^2, thuộc một phần của thửa 308, tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00507QSDĐ/D6 ngày 25-4-1994, cụ Chương Bảo Đ1 đứng tên, tương ứng một phần của thửa 100, tờ bản đồ 22 (BĐĐC VN 2000), tọa lạc tại: Ấp HL, xã HT, huyện HT(nay là khu phố HL, phường HT, thị xã HT), tỉnh Tây Ninh, theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc địa chính Toàn Việt lập, đính kèm theo bản án.

- Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá: Bà bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N phải chịu 16.909.000 (mười sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Tiêu Thị L được miễn.

+ Ông Lý Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009897 ngày 15-6-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Tiêu Thị L, ông Lý Thanh N được miễn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TTN;
- TAND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT ;
- Phòng KTNV&THA TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng